

Số: **23** /KH-UBND

Cam Lộ, ngày **18** tháng 02 năm 2022

KẾ HOẠCH
Thực hiện công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Cam Lộ lần thứ XVI nhiệm kỳ 2021- 2025 và kế hoạch phát triển KT-XH, QP-AN giai đoạn 2021- 2025, trên cơ sở kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 và dự báo kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo những năm tiếp theo, UBND huyện xây dựng Kế hoạch giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 với các nội dung như sau:

I. Thực trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện:

Theo kết quả tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng giai đoạn 2022-2025), đầu năm 2022 huyện Cam Lộ có tổng số: 14.905 hộ (trong đó hộ dân tộc thiểu số 101 hộ chiếm 0,67%), toàn huyện có: 1.087 hộ nghèo và hộ cận nghèo.

- Tổng số hộ nghèo: 453 hộ, chiếm tỷ lệ 3,04% (trong đó: hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số 42 hộ chiếm 0,28%; hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo 345 hộ chiếm 2,31%; hộ nghèo có khả năng thoát nghèo 108 hộ chiếm 0,72%);

- Tổng số hộ cận nghèo: 634 hộ chiếm 4,25%.

(Có phụ lục đính kèm)

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người nghèo, thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều. Tập trung các nguồn lực, giải pháp hỗ trợ hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản gồm: Y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt hợp vệ sinh, tiếp cận thông tin và việc làm; hạn chế hộ tái nghèo và không có hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách người có công.

2. Mục tiêu cụ thể và chỉ tiêu:

- Phân đầu đến năm 2025 giảm 108 hộ nghèo (tương đương giảm từ 0,15 – 0,22%)

Về mục tiêu thực hiện các chỉ số xã hội: Thực hiện hiệu quả các chính sách giảm nghèo để cải thiện điều kiện sống của người nghèo, trước hết là về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, thông tin, cơ bản tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội. Nâng cao mức độ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo, phân đầu đến năm 2025 đạt các chỉ tiêu như sau:

+ 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn và người dân ở vùng đặc biệt khó khăn được hỗ trợ mua thẻ Bảo hiểm y tế và tiếp cận được các dịch vụ y tế theo quy định.

+ 100% học sinh, sinh viên con em hộ nghèo được miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường.

+ 100% hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng hoặc sửa chữa nhà ở

+ 90% hộ nghèo được tiếp cận nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 80% hộ nghèo có nhà tiêu hợp vệ sinh.

+ 100% hộ nghèo được sử dụng dịch vụ viễn thông; 100% hộ nghèo có tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.

- Thực hiện kịp thời các chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo bền vững đặc thù, phân đầu đạt các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có đủ điều kiện theo quy định được vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

- 100% hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và hỗ trợ chuyên giao khoa học kỹ thuật, kiến thức vào sản xuất.

- 90% lao động nghèo, cận nghèo được hỗ trợ đào tạo nghề ngắn hạn.

- 100% hộ nghèo được trợ giúp pháp lý miễn phí.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ các chế độ, chính sách theo quy định của nhà nước.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã, trưởng thôn, bản, khu phố và cán bộ đoàn thể được tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực để tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo bền vững.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo; trong đó, ưu tiên người nghèo là người dân tộc thiểu số, người cao tuổi, người khuyết tật, phụ nữ và trẻ em.

2. Phạm vi: Kế hoạch thực hiện trên phạm vi toàn huyện.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 đến hết năm 2025.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

1. Các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững:

1.1. Chính sách hỗ trợ về y tế cho người nghèo:

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách cấp Bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số và người dân ở vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ mua Bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ làm nông- lâm- ngư nghiệp có thu nhập trung bình; tiếp tục triển khai chính sách về hỗ trợ người mắc bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo.

- củng cố mạng lưới y tế cơ sở, nhất là đội ngũ cán bộ y tế thôn, bản; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh tại các đơn vị y tế, đẩy mạnh các hoạt động xã hội hóa chăm sóc sức khỏe cho người nghèo.

1.2. Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo:

- Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh nghèo, cận nghèo ở các cấp học; tiếp tục thực hiện tín dụng ưu đãi đối với sinh viên, nhất là sinh viên thuộc hộ nghèo dân tộc thiểu số.

1.3. Chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo:

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão lụt và Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo.

- Tiếp tục phối hợp với UBMTTQVN huyện vận động nguồn lực hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

1.4. Chính sách hỗ trợ về văn hoá, thông tin cho người nghèo:

- Tạo điều kiện nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người nghèo để nắm bắt thông tin được nhiều hơn, nhất là các thông tin hữu ích cho phát triển kinh tế, tăng thu nhập và cải thiện điều kiện sinh hoạt của gia đình.

- Đa dạng hóa các hoạt động truyền thông để giúp người nghèo, nhất là người nghèo ở vùng dân tộc thiểu số; phổ biến các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, nêu gương thoát nghèo và không ngừng nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số phù hợp với bản sắc văn hóa truyền thống.

1.5. Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo:

- Tiếp tục thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo theo Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg ngày 18/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Khảo sát nhu cầu của người nghèo để xây dựng kế hoạch trợ giúp pháp lý; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho trợ giúp viên, cộng tác viên và thành viên các câu lạc bộ trợ giúp pháp lý; kiện toàn, củng cố và tăng cường hoạt động của các câu lạc bộ trợ giúp pháp lý.

1.6. Chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo:

- Tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, học tập, học nghề và đi xuất khẩu lao động để tăng thu nhập, vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Tiếp tục phát huy hiệu quả các tổ chức nhận ủy thác vay vốn và các tổ tiết kiệm vay vốn của các tổ chức CT-XH. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu vay vốn phải có phương án sản xuất kinh doanh và được các tổ chức CT-XH tín chấp. Phối-kết hợp giữa việc cung cấp tín dụng ưu đãi với khuyến nông- lâm -ngư, hướng dẫn cách làm ăn, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất, đào tạo nghề để vốn vay của hộ nghèo được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, đồng thời giám sát chặt chẽ việc sử dụng vốn vay.

1.7. Chính sách khuyến nông- lâm- ngư nghiệp và hỗ trợ chuyển giao khoa học- kỹ thuật, kiến thức vào sản xuất cho nhóm hộ (hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ khác có uy tín):

- Hỗ trợ nhóm hộ nghèo về kiến thức và kỹ năng xây dựng kế hoạch, bố trí sản xuất hợp lý, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào tổ chức sản xuất và kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, tăng thu nhập, vươn lên thoát nghèo bền vững.

1.8. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm cho người nghèo:

- Tiếp tục thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động trực tiếp đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025” giai đoạn 2021-2025; Gắn đào tạo nghề với tạo việc làm và cung cấp tín dụng ưu đãi, được giới thiệu việc làm miễn phí. Tích cực triển khai các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động, đưa lao động đi làm việc tại các khu công nghiệp, các doanh nghiệp và ngoài tỉnh.

1.9. Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo:

- Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo theo quy định, bảo đảm 100% hộ nghèo được hưởng chính sách hỗ trợ tiền điện dùng cho sinh hoạt hàng tháng đầy đủ, kịp thời, qua đó góp phần giảm bớt khó khăn của hộ nghèo.

1.10. Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn:

- Hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, khai thác tốt thế mạnh của địa phương; tạo điều kiện tăng thu nhập và đời sống cho người nghèo, người dân tộc thiểu số, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, phát triển ngành nghề và dịch vụ, giới thiệu sản phẩm, thông tin thị trường; tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ phát triển sản xuất; xây dựng mô hình phát triển sản xuất, tạo việc làm, tạo điều kiện cho người dân tham quan, học tập, nhân rộng mô hình.

- Thực hiện tốt các chính sách cho hộ đồng bào DTTS theo quy định.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Kinh phí thực hiện kế hoạch được bố trí từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025; ngân sách địa phương, nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

VI. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác chỉ đạo điều hành:

- Hàng năm, chính quyền cấp xã phải đăng ký phấn đấu mục tiêu giảm nghèo; đưa mục tiêu giảm nghèo vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của chính quyền địa phương.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hàng năm, giữa kỳ và cuối kỳ theo quy định để làm căn cứ xây dựng kế hoạch cụ thể ở từng địa phương.

- Thực hiện có hiệu quả chương trình phối hợp giữa cơ quan thường trực Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững với các tổ chức CT-XH (Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên) trong việc thực hiện công tác giảm nghèo bền vững.

- UBND các xã, thị trấn chủ động phát động phong trào “Xóm/tổ dân cư không có hộ nghèo”; tùy theo điều kiện cụ thể để xây dựng, phát động phong trào vận động cán bộ, đảng viên và hộ dân có điều kiện nhận hỗ trợ, giúp đỡ hộ nghèo.

Chính quyền địa phương quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho hộ nghèo, chú trọng kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ các hộ bị thiệt hại do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, nhằm hạn chế tái nghèo phát sinh từ các nguyên nhân rủi ro.

2. Công tác tuyên truyền:

- Đẩy mạnh thông tin, truyền truyền về công tác giảm nghèo bền vững nhằm nâng cao nhận thức cho Nhân dân, đặc biệt là người nghèo hiểu được trách nhiệm của mình để tự vươn lên thoát nghèo.

- Khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác giảm nghèo; biểu dương các hộ nghèo điển hình thoát nghèo bền vững, đồng thời phê phán các trường hợp không có ý chí vươn lên, không muốn thoát nghèo, trông chờ ỷ lại vào chính sách trợ giúp của nhà nước.

3. Nhóm giải pháp nâng cao thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo:

Đề tạo điều kiện hộ nghèo, hộ cận nghèo tăng thu nhập, vươn lên thoát nghèo và hạn chế tình trạng tái nghèo. Cần tập trung thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo như:

- Tập trung phát triển sản xuất, hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất chuyên canh, tập trung theo hướng sản xuất hàng hoá để hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận và tham gia; Đảm bảo hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được vay vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động theo quy định.

4. Nhóm giải pháp nâng cao tiếp cận các chỉ số dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo:

Tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững, tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo nâng cao khả năng tiếp cận các chỉ số dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận dịch vụ thông tin như:

- Hỗ trợ tiếp cận về y tế: Thực hiện tốt việc cấp thẻ và khám chữa bệnh BHYT cho người nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và người dân ở vùng đặc biệt khó khăn. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, chất lượng dịch vụ y tế, khám chữa bệnh, đặc biệt ở tuyến y tế xã nhằm tạo điều kiện để người dân nói chung và người nghèo, cận nghèo nói riêng được tiếp cận dịch vụ khám, chữa bệnh.

- Hỗ trợ tiếp cận về giáo dục: Thực hiện tốt chính sách ưu đãi về giáo dục đối với các học sinh, sinh viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định. Khuyến khích động viên, người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số tích cực đến trường học tập, nâng cao trình độ.

- Hỗ trợ tiếp cận về nhà ở: Triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo; tập trung huy động các nguồn lực từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để hỗ trợ xây dựng, cải tạo nhà ở cho hộ nghèo đảm bảo mức tối thiểu về diện tích, chất lượng nhà ở theo quy định.

- Hỗ trợ tiếp cận về nước sạch và vệ sinh: Vận động nhân dân xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh. Tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức của người dân về cách ăn, ở hợp vệ sinh, bảo vệ môi trường để bảo đảm giữ gìn sức khỏe.

- Hỗ trợ tiếp cận về thông tin: Hỗ trợ đầu tư nâng cấp, cải tạo các trạm FM cơ sở, phát triển mạng viễn thông ở các vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tạo điều kiện để người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận với các dịch vụ thông tin, sử dụng các thiết bị viễn thông, phát thanh truyền hình để hiểu về quyền, nghĩa vụ của mình, chủ động tiếp cận với các chính sách trợ giúp của Nhà nước để vươn lên thoát nghèo.

5. Nhóm giải pháp giảm nghèo theo phân loại nhóm hộ nghèo:

Tiến hành rà soát, phân loại từng nhóm hộ nghèo theo nguyên nhân (như: nhóm hộ nghèo bảo trợ xã hội, không có khả năng lao động; nhóm hộ nghèo có khả năng lao động nhưng thiếu vốn, thiếu tư liệu sản xuất, thiếu việc làm; nhóm hộ nghèo có khả năng lao động nhưng lười lao động, mắc các tệ nạn xã hội) để theo dõi, quản lý và đề ra các giải pháp hỗ trợ phù hợp cho từng nhóm hộ nghèo như:

- Đối với nhóm hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội: Thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội (như: trợ cấp xã hội hàng tháng, cấp Bảo hiểm y tế, hỗ trợ về nhà ở, nước sinh hoạt,...) và vận động cộng đồng khu dân cư, doanh nghiệp trên địa bàn giúp đỡ để đảm bảo đạt mức sống tối thiểu so với cộng đồng dân cư.

- Đối với nhóm hộ nghèo có nhân lực, có nhu cầu lao động nhưng do thiếu vốn sản xuất, kinh doanh, thiếu tư liệu sản xuất, thiếu việc làm: Đây là nhóm hộ có khả năng thoát nghèo cao nhưng do điều kiện hoàn cảnh khó khăn trước mắt. Do đó, đối với nhóm hộ này cần tập trung mạnh thực hiện hỗ trợ bằng vốn vay ưu đãi của Ngân hàng Chính sách xã hội gắn với tập huấn kỹ thuật, tư vấn lựa chọn mô hình phát triển sản xuất phù hợp điều kiện kinh tế, trình độ, năng lực để sử dụng đồng vốn có hiệu quả; hỗ trợ tư liệu sản xuất, tạo việc làm để tăng thu nhập, vươn lên thoát nghèo.

- Đối với nhóm hộ nghèo do thiếu đất sản xuất: Thực hiện hỗ trợ khai hoang, cấp đất sản xuất, đất rừng, kết hợp với hỗ trợ phát triển chăn nuôi, dạy nghề, tạo việc làm trong các doanh nghiệp hoặc tham gia xuất khẩu lao động.

- Đối với nhóm hộ nghèo ỷ lại, chây lười lao động, không biết tổ chức cuộc sống, sa vào các tệ nạn, ỷ lại, trông chờ: Chính quyền, Mặt trận và các tổ chức CT-XH cần tăng cường tuyên truyền, giáo dục đối với nhóm hộ này; phân công cán bộ, đảng viên có uy tín cùng phối hợp với bà con, dòng tộc để trực tiếp giúp đỡ, vận động nhằm thay đổi nhận thức và khuyến khích tích cực tham gia lao động sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống của bản thân và gia đình chính mình.

8. Kiểm tra, giám sát thực hiện công tác giảm nghèo bền vững:

- Các ngành, các cấp, UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện công tác giảm nghèo bền vững theo quy định. Phát huy vai trò giám sát của các cơ quan, đơn vị như: Hội đồng nhân dân, Mặt trận và các tổ chức CT-XH. Đưa nội dung giám sát các hoạt động giảm nghèo vào chương trình công tác hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với các Phòng, Ban ngành liên quan hướng dẫn UBND các xã, thị trấn xây dựng và thực hiện Kế hoạch giảm nghèo bền vững hàng năm và giai đoạn 2022 – 2025.

- Hướng dẫn thực hiện một số Dự án, nhân rộng mô hình giảm nghèo khi có chỉ đạo của cấp trên.

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giảm nghèo hàng năm và Kế hoạch giảm nghèo 5 năm. Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác giảm nghèo bền vững hàng năm và tổng kết giai đoạn năm 2022 – 2025 theo quy định.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

- Tham mưu UBND huyện bố trí nguồn kinh phí để thực hiện kế hoạch.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch.

3. Phòng Y tế và Bảo hiểm xã hội huyện:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện chính sách hỗ trợ về y tế trong hệ thống ngành (Trung tâm y tế huyện, Trạm y tế...) hàng năm cần phải có giải pháp cụ thể để thực hiện tốt công tác khám, điều trị bệnh cho người nghèo. Đánh giá kết quả thực hiện chính sách khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào DTTS (chỉ tiêu về y tế)

- Phối hợp kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch.

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo:

- Chủ trì, chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách trợ giúp trong giáo dục cho các em học sinh hộ gia đình nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác; Xây dựng kế hoạch và đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm tránh nguy cơ học sinh nghèo do khó khăn dẫn đến bỏ học. Đánh giá hộ nghèo hộ cận nghèo về tiếp cận giáo dục

- Phối hợp kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch.

5. Phòng Kinh tế - Hạ tầng, TM-MT:

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo; đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận dịch vụ về nhà ở, sử dụng nước sạch và hố xí hợp vệ sinh.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch.

6. Phòng Văn hóa - Thông tin và Trung tâm VH-TT- TDTT huyện:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Chính sách hỗ trợ về văn hoá, thông tin cho người nghèo. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về chính sách giảm nghèo, mô hình, cách làm hay, sáng tạo có hiệu quả trong công tác giảm nghèo. Đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận lĩnh vực văn hóa, thông tin.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch.

7. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan chỉ đạo triển khai thực hiện các hoạt động dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, hỗ trợ sản xuất; hướng dẫn thực hiện các chính sách, dự án về khuyến nông, khuyến lâm, phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề truyền thống trên địa bàn.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch.

8. Phòng Tư pháp:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Chính sách trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch.

9. Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện:

- Thực hiện cho vay tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; quản lý vốn và thực hiện cho vay đúng quy định, đối tượng, tạo điều kiện cho người nghèo vay vốn nhanh gọn, hiệu quả.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch.

10. Chi cục Thống kê huyện:

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan cập nhật thông tin về tổng số hộ, số nhân khẩu hàng năm trên địa bàn huyện phục vụ cho công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

11. Đề nghị UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH huyện:

- Phối hợp, hướng dẫn các cấp hội thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; Quỹ “Ngày Vì người nghèo” ở các cấp trong huyện; Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”...

- Phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền trong quá trình triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững. Tích cực giúp đỡ các hội viên, đoàn viên thuộc hộ nghèo của tổ chức mình trong việc tiếp cận, thụ hưởng các chính sách ưu đãi, nhất là chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào “đỡ đầu hộ nghèo” để trực tiếp hỗ trợ các hội viên, đoàn viên vượt khó, vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Tiếp tục vận động các nguồn lực để xây dựng và sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

12. UBND các xã, thị trấn:


- Xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 -2025 và Kế hoạch cụ thể hàng năm; đề ra mục tiêu, nhóm giải pháp giảm nghèo cụ thể cho từng địa bàn, từng nhóm hộ nghèo, từng nguyên nhân nghèo tại địa phương.

- Tổ chức điều tra, rà soát đánh giá thực trạng nghèo, phân loại đối tượng, nguyên nhân nghèo trên địa bàn; quản lý, theo dõi hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ tái nghèo. Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch hộ thoát nghèo cụ thể cho cả giai đoạn và từng năm, đề ra các biện pháp hỗ trợ phù hợp đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Phát động phong trào cộng đồng dân cư không có hộ nghèo. Vận động cộng đồng dân cư tích cực tham gia mô hình “hộ giúp hộ”, “nhóm hộ giúp hộ nghèo” và các phong trào giảm nghèo ở địa phương. Phân công cán bộ, đảng viên phụ trách giúp đỡ từng hộ nghèo.

- Hàng năm, tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện công tác giảm nghèo và khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác giảm nghèo bền vững ở địa phương; tổ chức xét duyệt để biểu dương và khen thưởng đối với hộ thoát nghèo hàng năm theo quy định.

VIII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các Phòng, Ban ngành, tổ chức CT-XH cấp huyện và UBND các xã, thị trấn báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch định kỳ gửi UBND huyện (qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp (báo cáo quý: trước ngày 20 tháng cuối quý; báo cáo 6 tháng: trước ngày 20/6; báo cáo năm: trước ngày 20/12 hàng năm)./. 

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh (B/c);
- Sở LĐ-TB&XH (B/c);
- TT. HU, TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- BCĐ giảm nghèo huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Bắc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIỂU TỔNG HỢP HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO GIAI ĐOẠN 2022 - 2025
(Kèm theo Kế hoạch số **23**/KH-UBND, ngày **18**/02/2022 của UBND huyện)

Phụ lục 1:

Đơn vị	Dân cư (Hộ)	Hộ DTTS	Hộ nghèo	Tỷ lệ %	Trong đó					
					DTTS	Tỷ lệ %	Hộ BTXH	Tỷ lệ %	CSGN	Tỷ lệ %
Thanh An	2.693		106	3.94			100	3.71	6	0.22
TT Cam Lộ	2.095		36	1.72			25	1.19	11	0.53
Cam Thành	2.223		37	1.66			33	1.49	4	0.18
Cam Thủy	1.489		57	3.83			50	3.36	7	0.47
Cam Nghĩa	1.667		46	2.76			36	2.16	10	0.60
Cam Tuyên	1.481	101	109	3.76	42	0.28	53	3.58	48	3.24
Cam Chính	1.466		18	1.23			18	1.23	0	0.00
Cam Hiếu	1.791		44	2.46			30	1.68	14	0.78
Tổng	14.905	101	453	3.04	42		345	2.31	108	0.72

Phụ lục 2:**BIỂU TỔNG HỢP HỘ NGHÈO THIẾU HỤT VỀ CÁC CHỈ SỐ XÃ HỘI**

Stt	Đơn vị	Tổng số hộ nghèo	Chỉ số thiếu hụt DVXH cơ bản HỘ NGHÈO											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Thanh An	106	24	69	3	70	1	1	4	4	6	18	82	31
2	TT Cam Lộ	36	11	22	4	36	2	3	5	5	5	9	14	5
3	Cam Thành	37	8	18	1	23	3	2	0	5	0	18	28	14
4	Cam Thủy	57	31	18	3	36	5	0	5	3	14	17	29	11
5	Cam Nghĩa	46	0	42	0	28	1	0	2	2	0	43	33	10
6	Cam Tuyên	109	37	24	5	65	32	2	8	39	8	75	60	31
7	Cam Chính	18	5	4	1	3	0	0	2	0	1	7	18	10
8	Cam Hiếu	44	18	34	2	29	2	0	0	2	1	11	30	18
	Tổng cộng	453	134	231	19	290	46	8	26	60	35	198	294	130

Ghi chú:	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin